**Phụ lục II**

**mẪu đỀ án MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNTT, ngày tháng năm của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin)*

­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­

|  |  |
| --- | --- |
| ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **CÔNG NGHỆ THÔNG TIN** **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
|  | *………, ngày …… tháng …… năm ……* |

**ĐỀ ÁN**

**MỞ NGÀNH ……………………………….**

**TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

1. Một số thông tin cơ bản giới thiệu về CSĐT

2. Sự cần thiết mở ngành đào tạo: khái quát các nội dung về chủ trương mở ngành đào tạo đã được phê duyệt; các căn cứ pháp lý để mở ngành đào tạo.

3. Chương trình đào tạo

3.1. Thông tin chung

a) Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt:

+ Tiếng Anh:

b) Mã ngành đào tạo: (lấy mã số từ Danh mục ngành đào tạo. Nếu ngành nào chưa có trong Danh mục thì ghi là ngành đào tạo thí điểm).

c) Loại hình đào tạo:

d) Loại chương trình, phương thức đào tạo:

đ) Thời gian đào tạo, số tín chỉ yêu cầu:

e) Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt:

+ Tiếng Anh:

g) Địa điểm đào tạo:

3.2. Thông tin tuyển sinh và kế hoạch đào tạo

a) Phương thức tuyển sinh:

b) Đối tượng tuyển sinh:

c) Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh, quy mô đào tạo:

d) Môn thi tuyển sinh (nếu có):

đ) Học bổ sung kiến thức:

3.3. Mục tiêu đào tạo

- Mục tiêu tổng quát: xác định mục tiêu tổng quát của chương trình đào tạo: năng lực về kiến thức kỹ năng đào tạo, năng lực thực hành nghề nghiệp của người tốt nghiệp, ...

- Mục tiêu cụ thể: cụ thể hóa mục tiêu tổng quát, học viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực về kiến thức và lập luận ngành, kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, năng lực hực hành nghề nghiệp, ...

3.4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

| Stt | Chủ đề chuẩn đầu ra | Trình độ năng lực |
| --- | --- | --- |
| 1. | Kiến thức và lập luận ngành |  |
| 1.1 |  |  |
| 1.1.1 |  |  |
|  | … |  |
| 2. | Kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp |  |
| 2.1 |  |  |
| 2.1.1 |  |  |
|  | … |  |
| 3. | Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp |  |
| 3.1 |  |  |
| 3.1.1 |  |  |
|  | … |  |
| 4. | Năng lực thực hành nghề nghiệp |  |
| 4.1 |  |  |
| 4.1.1 |  |  |

Thang trình độ năng lực

|  |  |
| --- | --- |
| Trình độ năng lực | Mô tả |
|  |  |

3.5. Nội dung chương trình đào tạo:

a) Khái quát chương trình: nêu rõ các học phần và số tín chỉ yêu cầu học viên phải hoàn thành để được xét tốt nghiệp, bao gồm:

Phần kiến thức chung.

Phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành:

+ Các học phần bắt buộc.

+ Các học phần lựa chọn.

Luận văn/Đề án tốt nghiệp.

b) Danh mục các môn học: liệt kê toàn bộ các môn học thuộc nội dung CTĐT theo các đề mục: mã số môn học, tên môn học, khối lượng tính bằng tín chỉ (lý thuyết; thực hành, thí nghiệm hoặc tiểu luận). Riêng môn học ngoại ngữ cần ghi rõ tên ngoại ngữ).

Mã số môn học do CSĐT xây dựng nhằm phục vụ cho việc quản lý CTĐT. Có thể dùng chữ và số hoặc số để mã hóa học phần/môn học, số ký tự mã hóa do CSĐT quy định.

Danh mục các môn học

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã số**  **học phần/**  **môn học** | **Học kỳ** | **Tên học phần/môn học** | **Khối lượng (tín chỉ)** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành, thí nghiệm, tài liệu** |
|  |  |  | Khối kiến thức chung (bắt buộc)  - Triết học  - Ngoại ngữ  ... |  |  |  |
|  |  |  | Phần kiến thức cơ sở và ngành |  | | |
|  | *Các học phần bắt buộc* |  | | |
|  |  |  | - ........  - ........ |  |  |  |
|  |  |  | *Các học phần lựa chọn* |  | | |
|  |  |  | - ........  -........ |  |  |  |
|  |  |  | Luận văn thạc sĩ |  | | |
|  |  |  | Tổng cộng: |  | | |

c) Ma trận các môn học và kỹ năng

(Danh sách các môn học được hệ thống theo học kỳ và phân bổ giảng dạy các kỹ năng vào các môn học: mức độ giảng dạy I, T, U và trình độ năng lực yêu cầu với môn học theo trình độ năng lực)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Học kỳ** | **Tên môn học** | **Mã số**  **học phần/**  **môn học** | **Chuẩn đầu ra** | | | | | |
| 2.1 | | 3.1 | | 4.1 | |
| 2.1.1 | … | 3.1.1 | … | 4.1.1 | … |
| 1. |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |  |  |  |

d) Đề cương môn học: theo mẫu quy định tại Phụ lục VII.

đ) Thông tin khác: nếu sử dụng chương trình đào tạo của một trường đại học khác hoặc chương trình đào tạo của nước ngoài, cần nêu rõ là chương trình đào tạo của trường đại học nào, nước nào (đối với chương trình đào tạo của nước ngoài) và kèm theo bản sao chương trình gốc của trường đó và khả năng của cơ sở đào tạo khi thực hiện chương trình này.

3.6. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo.

3.7. Cơ sở vật chất để mở ngành đào tạo.

3.8. Tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo.

3.9. Kế hoạch đảm bảo chất lượng và kiểm định chương trình đào tạo.

4. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo:

a) Phân tích tình hình phát triển kinh tế - xã hội, dự báo những biến động có thể xảy ra, phân tích điểm mạnh, điểm yếu của CSĐT và những nội dung khác có liên quan, từ đó đề xuất phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo và triển khai tuyển sinh.

b) Thuyết minh về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp CSĐT bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo với các phương án, giải pháp cụ thể để bảo vệ quyền lợi cho người học, giảng viên, CSĐT và các bên liên quan.

5. Các minh chứng kèm theo đề án:

a) Nghị quyết của Hội đồng trường/Hội đồng ĐHQG-HCM phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo hoặc văn bản phê duyệt chủ trương mở ngành của ĐHQG-HCM.

b) Quyết định thành lập Hội đồng xây dựng/Tổ soạn thảo, Hội đồng thẩm định; Biên bản thẩm định chương trình đào tạo của hội đồng thẩm định; Nghị quyết/biên bản Hội đồng Khoa học đào tạo CSĐT thông qua chương trình đào tạo.

c) Hồ sơ thẩm định gồm: Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định; biên bản thẩm định; phiếu nhận xét, đánh giá; phiếu điểm; văn bản giải trình có xác nhận của Hội đồng thẩm định

d) Danh sách đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo Quy định này, gồm các thông tin theo mẫu báo cáo quy định tại Mục 1 (về giảng viên) và Mục 2 (về kết quả nghiên cứu khoa học) Phụ lục VI ban hành kèm theo Quy định này; bản sao các quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động, bản sao chứng thực văn bằng do cơ sở đào tạo Việt Nam cấp hoặc văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp và giấy công nhận văn bằng do cơ quan có thẩm quyền cấp.

đ) Lý lịch khoa học của giảng viên quy định tại Phụ lục VIII.

e) Bảng thống kê về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành, thực tập đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo đã chuẩn bị theo quy định tại khoản 6 Điều này, gồm các thông tin theo các mẫu báo cáo được quy định tại Mục 3 (về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo) Phụ lục VI ban hành kèm theo Quy định này.

g) Hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành theo quy định của Chính phủ về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe (đối với đề án mở ngành thuộc lĩnh vực Sức khỏe).

h) CSĐT quy định cụ thể việc xây dựng đề án mở ngành đào tạo, quy định việc xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ, thời gian thực hiện, dự kiến sản phẩm và tổ chức thực hiện kế hoạch, quy định về trách nhiệm, quyền hạn và sự phối hợp giữa các tập thể và cá nhân của CSĐT trong việc xây dựng đề án và chuẩn bị các điều kiện mở ngành đào tạo, quy định việc theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện, xử lý điều chỉnh và quyết định đối với từng nội dung của đề án trong quá trình xây dựng đề án mở ngành đào tạo của CSĐT.

**Thủ trưởng cơ sở đào tạo**

*(Ký tên, đóng dấu)*